



# Thất Thập Nhị Huyền Công - Techniques de base VVDCE - ANNEE 3

Livre du V0 sur  
n°13.09/2012

| Techniques                             | Catégories                                               | Nom en vietnamien        | Prononciation              | Signification                                                                                    | programm<br>e | Photos |
|----------------------------------------|----------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|
| <b>Thủ pháp</b><br>Techniques de main  | Bộ thủ chỉ<br><i>Techniques de poing de doigts.</i>      | Ngũ chỉ thủ đao          | [ngũ chỉ thủ đao]          | Cinq doigts caillèrent le fruit.                                                                 | 3             |        |
| <b>Thủ pháp</b><br>Techniques de main  | Bộ hồng chương<br><i>Techniques de poing de poigne.</i>  | Thần thông thượng chương | [thần thông thượng chương] | Les paumes frappent vers le ciel.                                                                | 3             |        |
| <b>Thủ pháp</b><br>Techniques de main  | Bộ cương đao<br><i>Techniques de tranchant de main</i>   | Cương đao phạt thảo      | [cương đao phạt thảo]      | Le sabre dur coupe les mauvaises herbes.                                                         | 3             |        |
| <b>Thủ pháp</b><br>Techniques de main  | Bộ cương đao<br><i>Techniques de tranchant de main</i>   | Cương đao trảm xà        | [cương đao trảm xà]        | Le sabre dur coupe le serpent.                                                                   | 3             |        |
| <b>Thủ pháp</b><br>Techniques de main  | Bộ thủ sơn<br><i>Techniques de poing de poing.</i>       | Thủ sơn tả chi           | [thủ sơn tả chi]           | La montagne s'élève sur la gauche.                                                               | 3             |        |
| <b>Thủ pháp</b><br>Techniques de main  | Bộ thủ sơn<br><i>Techniques de poing de poing.</i>       | Thủ sơn ứng trảo         | [thủ sơn ứng trảo]         | Frapper la montagne avec les serres de l'aigle.                                                  | 3             |        |
| <b>Thủ pháp</b><br>Techniques de main  | Bộ thủ sơn<br><i>Techniques de poing de poing.</i>       | Thủ sơn bân hạ           | [thủ sơn bân hạ]           | La montagne vous attire vers gouffre.                                                            | 3             |        |
| <b>Thủ pháp</b><br>Techniques de main  | Bộ phương đực<br><i>Techniques de coupe de corne.</i>    | Phương đực loan đao      | [phương đực loan đao]      | L'ailé du phénix se dirige vers le ciel.                                                         | 3             |        |
| <b>Thủ pháp</b><br>Techniques de main  | Bộ phương đực<br><i>Techniques de coupe de corne.</i>    | Phương đực bát hủ        | [phương đực bát hủ]        | L'ailé du phénix abat le fût.                                                                    | 3             |        |
| <b>Thủ pháp</b><br>Techniques de main  | Bộ bát trụ tỳ môn quyền<br><i>Techniques de mélange.</i> | Bát trụ tỳ môn quyền     | [bát trụ tỳ môn quyền]     | Le flammant se retourne et étend les ailes.                                                      | 3             |        |
| <b>Thủ pháp</b><br>Techniques de main  | Bộ bát trụ tỳ môn quyền<br><i>Techniques de mélange.</i> | Ám dương song quyền      | [âm dương song quyền]      | Étendre les deux mains, rapprocher les deux paumes en profitant négatif afin de bloquer un coup. | 3             |        |
| <b>Thủ pháp</b><br>Techniques de main  | Bộ bát trụ tỳ môn quyền<br><i>Techniques de mélange.</i> | Giáp long khốc quyền     | [giáp long khốc quyền]     | Les deux dragons dessous dessous se croisent pour vaincre.                                       | 3             |        |
| <b>Cước pháp</b><br>Techniques de pied | Tiểu cước<br><i>Coups de pied vers l'avant.</i>          | Kim Tiểu Cước            | [Kim Tiểu Cước]            | Le coup de pied comme la pointe d'éclair.                                                        | 3             |        |
| <b>Cước pháp</b><br>Techniques de pied | Tiểu cước<br><i>Coups de pied vers l'avant.</i>          | Thiếu Tiểu cước          | [Thiếu Tiểu Cước]          | Le coup de pied comme le talon de fer.                                                           | 3             |        |
| <b>Cước pháp</b><br>Techniques de pied | Huyền cước<br><i>Coups de pied vers l'arrière.</i>       | Cần Hâm cước             | [Cần Hâm Cước]             | La roue de la licorne enjaille.                                                                  | 3             |        |
| <b>Cước pháp</b><br>Techniques de pied | Huyền cước<br><i>Coups de pied vers l'arrière.</i>       | Hải vĩ cước              | [Hải Vĩ Cước]              | Le coup de pied de la queue du tigre.                                                            | 3             |        |
| <b>Cước pháp</b><br>Techniques de pied | Huyền cước<br><i>Coups de pied vers l'arrière.</i>       | Nghịch mã cước           | [Nghịch Mã Cước]           | La roue du cheval.                                                                               | 3             |        |

